

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2026/HS-ST
Ngày 27-3-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Minh Tâm

Ông Trần Quang Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Giang, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 3 năm 2026, đối với các bị cáo:

1. Lương Hiếu N (thường gọi là Ba S), sinh ngày 25/8/1997 tại Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn B và bà Nguyễn Thị Y; có vợ (không đăng ký kết hôn) và 01 người con;

Tiền án: 02 tiền án.

Ngày 06/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2022/HS-ST.

Ngày 26/8/2022, bị Tòa án nhân dân Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù, về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy (theo Bản án số 101/2022/HSST. Tổng hợp hình phạt của hai Bản số 101/2022/HSST và Bản án số 20/2022/HS-ST xử phạt 03 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2025, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Ngày 16/9/2025, bị Công an xã T, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 22/QĐ-XPHC ngày 16/9/2025 số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

- Nhân thân:

Ngày 29/4/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 14/2016/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/3/2018.

Ngày 15/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định số 04/QĐ-TA áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng, chấp hành xong ngày 24/7/2020.

Ngày 31/10/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc số 34/2025/QĐ-TA với thời hạn là 15 tháng, chưa thi hành.

Tạm giữ: 24/10/2025; tạm giam: 29/10/2025; hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T; có mặt.

2. Nguyễn Thành L (thường gọi là Long Thái T), sinh ngày 21/8/1995; tại Đồng Tháp. Nơi thường trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con nuôi ông Nguyễn Phước Y1 và bà Nguyễn Thị Ngọc D; chưa có vợ con;

- Tiền án: 02 tiền án.

Ngày 14/3/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 07/2018/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25/8/2018.

Ngày 22/9/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 02 năm tù, về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 49/2020/HS-ST (Bản án này xác định bị cáo đã tái phạm nguy hiểm), chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/7/2022, chưa bồi thường số tiền 2.500.000 đồng cho bị hại Phạm Thị Phương D1, chưa được xóa án tích.

- Tiền sự: Ngày 08/8/2025, bị Trưởng Công an xã T ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy số tiền 1.500.000 đồng, chưa nộp phạt.

- Nhân thân:

Ngày 27/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 16/2015/HS-ST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/6/2015, đã xóa án tích.

Ngày 07/11/2025, bị Tòa án nhân dân khu vực 11, tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc số 39/2025/QĐ-TA, thời gian 12 tháng (chưa thi hành).

Tạm giữ: 24/10/2025; tạm giam: 29/10/2025; hiện đang tạm giam tại Phân trại tạm giam khu vực T; có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Huỳnh Văn T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1963; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Lương Văn B, sinh năm 1960; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt..

2. Bà Ngô Thị Kim T3, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1969; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 2000; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Lương Hiếu N, Nguyễn Thành L không có việc làm ổn định, để có tiền tiêu xài, cả hai bị cáo đã thực hiện trộm cắp tài sản của người khác, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 02 giờ ngày 21/10/2025, N một mình đi bộ từ nhà thuộc ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp đến ấp N, xã T, tỉnh Đồng Tháp, nhìn thấy xe mô tô biển số 66K9-0XXX của Huỳnh Văn T1, sinh năm 1980, ngụ ấp N, xã T, tỉnh Đồng Tháp đang đậu trước sân nhà, chìa khóa gắn sẵn trên ổ khóa, không có người trông giữ. N đi vào trong sân lấy xe mô tô trên điều khiển về nhà cất giấu.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 02 giờ ngày 22/10/2025, N rủ L đi tìm tài sản để lấy trộm, L đồng ý. L điều khiển xe đạp chở N ngồi phía sau, từ nhà của N đến khu vực ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, nhìn thấy xe mô tô biển số 66B1-164.XX của ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1963, ngụ ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp đậu ở

ngôi mộ cách nhà của ông P1 khoảng 04 đến 05 mét, L đậu xe và ở bên ngoài cánh giới, N đi vào trong lấy xe mô tô trên điều khiển, L chạy xe đạp, rồi cả hai cùng đi về nhà N cất giấu.

Vụ thứ ba: Vào khoảng 02 giờ 30 phút ngày 23/10/2025, N một mình đi bộ từ nhà đến khu vực ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp, nhìn thấy xe mô tô biển số 66L4-2XXX của ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1990, ngụ ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp, đậu ở lối đi trước nhà, trên xe có gắn sẵn chìa khóa. Quan sát thấy không có người trông giữ, N lấy xe mô tô trên điều khiển về nhà cất giấu.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Công an xã T đến nhà N mời làm việc test ma túy định kỳ thì thấy N, L đang ở trong nhà, bên trong nhà có để nhiều xe mô tô. Nghi vấn các xe mô tô do trộm mà có nên Công an xã T thông tin cho Công an xã T đến xác minh các xe mô tô trên do bị hại đã tố giác bị mất trộm trên địa bàn xã T. Qua làm việc, cả hai bị cáo đã thừa nhận hành vi trộm cắp xe mô tô như đã nêu trên.

Cùng ngày Công an xã T tiến hành kiểm tra hành chính nhà ở của Nguyễn Thành L, địa chỉ: ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình kiểm tra phát hiện và thu giữ 01 đoạn ống hút, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được hàn kín hai đầu (nghi là ma túy đá) và 01 chai nhựa có nắp màu xanh đậm kín, trên nắp có khoét lỗ tròn gắn 01 nỏ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng, để phục vụ công tác giám định.

* Kết luận định giá tài sản số: 02/KL-HĐĐGTS ngày 28/10/2025 của Hội đồng định giá tài sản cấp xã thuộc Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Đồng Tháp, kết luận:

- 01 xe mô tô, biển số đăng ký: 66L4-2XXX, nhãn hiệu VIJABI, màu sơn: Đỏ - Đen, loại xe: Nữ, số máy: A-0096XX, số khung: 6C0013XX, sản xuất năm 2007 (đã qua sử dụng), giá trị tài sản định giá thời điểm ngày 27/10/2025 là 3.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô, biển số đăng ký: 66B1-164.XX, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Trắng - Đen, số loại: Sirius, số máy: 5C6K-0974XX, số khung: K0DY-0974XX, sản xuất năm 2013 (đã qua sử dụng), giá trị tài sản định giá thời điểm ngày 27/10/2025 là 5.000.000 đồng.

- 01 xe mô tô, biển số đăng ký: 66K9-01XX, nhãn hiệu: WAYTEC, màu sơn: Xanh, loại xe: Nữ, số máy: FMH-4700XX, số khung: 074DP-4000XX, sản xuất năm 2004 (đã qua sử dụng), giá trị tài sản định giá thời điểm ngày 27/10/2025 là 2.500.000 đồng.

Tổng giá trị định giá tài sản 03 chiếc xe mô tô nêu trên, tại thời điểm ngày 27/10/2025: 10.500.000 đồng.

* Kết luận giám định số: 2004/KL-KTHS ngày 26/10/2025 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận:

- Tinh thể rắn màu trắng chứa trong 01 đoạn ống hút hàn kín (ký hiệu mẫu M1), được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3 2006660 nêu trên gửi giám định không phải là chất ma túy, tiền chất dùng vào việc sản xuất chất ma túy thường gặp.

- Chất màu nâu dính trong nỏ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng (ký hiệu mẫu M2), được niêm phong trong túi niêm phong mã số NS3 2006616 nêu trên gửi giám định là chất ma túy, loại Methamphetamine, không xác định được khối lượng do mẫu ít.

* Vật chứng thu giữ và xử lý gồm:

- Thu giữ tại nhà của bị cáo Lương Hiếu N:

+ 01 xe mô tô biển số: 66K9-01XX, nhãn hiệu: WAYTEC, màu sơn: Xanh, loại xe: Nữ, số máy: FMH-4700XX, số khung: 074DP-4000XX (đã qua sử dụng). Hiện đã trao trả cho ông Huỳnh Văn T1.

+ 01 xe mô tô biển số: 66B1-164.XX, nhãn hiệu YAMAHA, màu sơn: Trắng - Đen, số loại: Sirius, số máy: 5C6K-0974XX, số khung: K0DY-0974XX (đã qua sử dụng). Hiện đã trao trả cho ông Nguyễn Văn P1.

+ 01 xe mô tô biển số: 66L4-2XXX, nhãn hiệu VIJABI, màu sơn: Đỏ - Đen, loại xe: Nữ, số máy: A-0096XX, số khung: 6C0013XX (đã qua sử dụng). Hiện đã trao trả cho ông Nguyễn Văn T2.

+ 01 biển số xe mô tô ký hiệu 67F8-79XX (đã qua sử dụng). Kết quả điều tra xác định biển số xe mô tô trên do ông Lưu Tấn T4, sinh ngày 01/01/1966, ngụ ấp A, xã H, tỉnh An Giang đứng tên chủ sở hữu. Hiện nay, ông T4 không có mặt ở địa phương và Công an xã H, tỉnh An Giang xác định biển số xe trên không có liên quan đến vụ việc, vụ án xảy ra trên địa bàn; đồng thời, không tiếp nhận trình báo mất xe của ông T4. Vì vậy, đề nghị giao biển số xe mô tô trên cho cơ quan điều tra xác minh làm rõ và xử lý theo quy định pháp luật.

+ 01 xe đạp do N dùng làm phương tiện phạm tội. Kết quả điều tra xác định là tài sản hợp pháp của ông Lương Văn B, sinh năm 1960, ngụ ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp (cha ruột của N). Hiện nay đã trao trả cho ông Lương Văn B theo quy định pháp luật.

- Thu giữ tại nhà của bị can Nguyễn Thành L:

+ 01 đoạn ống hút, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được hàn kín hai đầu.

+ 01 chai nhựa có nắp màu xanh đậy kín, trên nắp có khoét lỗ tròn gắn 01 nỏ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng.

- Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại các xe mô tô đã bị mất trộm, xe mô tô không bị hư hỏng và thiệt hại nên không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số: 63/CT-VKSKV11 ngày 12/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp đã truy tố bị cáo Lương Hiếu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; bị cáo Nguyễn Thành V tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Hiếu N mức án từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L mức án từ 02 năm 06 tháng - 03 năm tù.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống hút, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được hàn kín hai đầu; 01 chai nhựa có nắp màu xanh đậy kín, trên nắp có khoét lỗ tròn gắn 01 nõ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng.

- Về dân sự: Đã giải quyết xong.

- Lời nói sau cùng, các bị cáo thừa nhận hành vi và thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ nhất các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng đến tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do, riêng các bị hại T1, P có đơn xin vắng mặt. Quá trình điều tra, những người vắng mặt đã có lời khai lưu trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quá trình xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo N, L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Đồng Tháp đã truy tố và thống nhất theo kết quả định giá tài sản.

Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, cùng toàn bộ tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 21/10/2025 tại ấp N, xã T, tỉnh Đồng Tháp bị cáo N lén lút lấy trộm 01 xe mô tô có giá trị là 2.500.000 đồng. Ngày 22/10/2025 tại ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp, các bị cáo N, L lén lút lấy trộm 01 xe mô tô có giá trị là 5.000.000 đồng. Ngày 23/10/2025 tại ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp, bị cáo N lén lút lấy trộm 01 xe mô tô có giá là 3.000.000 đồng.

Tại Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a)...

g) Tái phạm nguy hiểm.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Như vậy, bị cáo N vì vụ lợi cá nhân một mình thực hiện 02 vụ trộm và cùng với bị cáo L thực hiện 01 vụ trộm, bị cáo lén lút 03 lần lấy trộm tài sản trị giá 10.500.000 đồng nên đủ cơ sở kết luận bị cáo N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Bị cáo L cùng bị cáo N lén lút trộm tài sản 01 lần trị giá 5.000.000 đồng, lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên đủ cơ sở kết luận bị cáo T5 phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đang trong độ tuổi lao động, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo nên phải có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Các bị cáo trong vụ án này, là đồng phạm giản đơn theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật hình sự, trong đó bị cáo N đóng vai trò chính thực hiện 3 vụ trộm, là người rủ rê L trong vụ trộm thứ hai nên cần xử phạt bị cáo N cao hơn bị cáo L. Tuy nhiên, lần phạm tội này bị cáo L thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên mức hình phạt các bị cáo sẽ tương đương nhau.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Lương Hiếu N phạm tội 02 lần trở lên, tái phạm quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo N, L thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, không có tài sản. Nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[9] Về xử lý vật chứng: Đối 01 đoạn ống hút, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được hàn kín hai đầu; 01 chai nhựa có nắp màu xanh đậm kín, trên nắp có khoét lỗ tròn gắn 01 nỏ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng. Xét thấy, đây là công cụ sử dụng trái phép chất ma túy nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí trong vụ án hình sự sơ thẩm: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, để buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm g, h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lương Hiếu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lương Hiếu N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2025.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/10/2025.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn ống hút, bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng được hàn kín hai đầu; 01 chai nhựa có nắp màu xanh đậm kín, trên nắp có khoét lỗ tròn gắn 01 nõ thủy tinh có nối với đoạn ống hút màu vàng.

(Vật chứng trên hiện cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng các Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo N, L, mỗi người phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền làm đơn trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 11;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- CQ CSĐT CA Tỉnh Đồng Tháp;
- CQ THAHS CA Tỉnh Đồng Tháp;
- Phân trại tạm giam khu vực Tam Nông;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Nghĩa